

- Hà Huy: F...
- Fy...
Kell

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

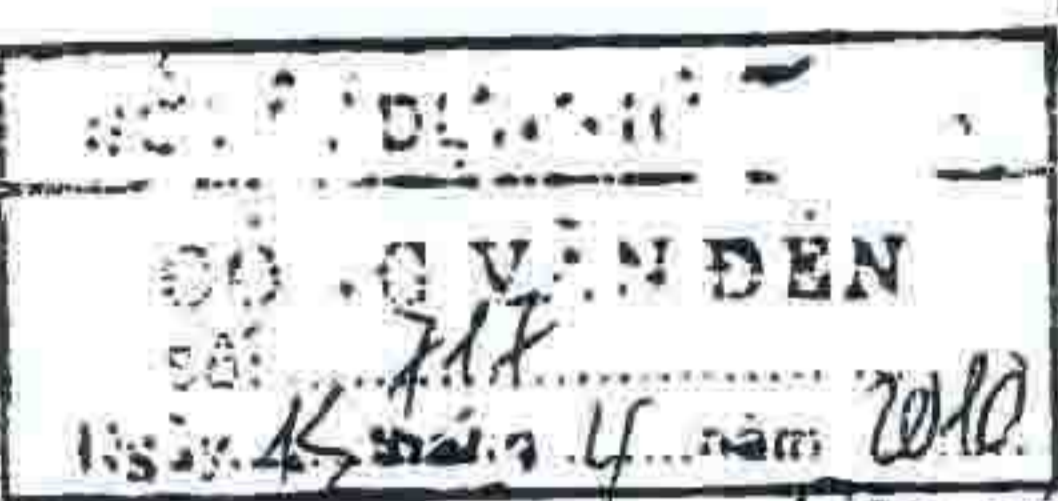
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 913/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn 2010 - 2020



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ngày 17 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Định mức chi phí quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ xây dựng về việc Ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Hà Giang đến năm 2020;
- Căn cứ văn bản số 1371/UBND-NVKT ngày 14 tháng 5 năm 2009 của UBND tỉnh về việc tiếp tục thực hiện đồ án Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang;
- Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ - dự toán điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn 2010 - 2020;
- Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại báo cáo kết quả thẩm định số 22/BC-SXD ngày 01/4/2010 về việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn 2010-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn 2010 - 2020 với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn 2010-2020.

2. Loại quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Bắc Quang.

4. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước.

5. Địa điểm xây dựng: thị trấn Việt Quang, một phần của thôn Tân An, Tân Bình của xã Việt Vinh, Thôn Khiêm, Pắc Há của Xã Quang Minh huyện Bắc Quang.

6. Tổ chức tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng Hà Giang.

7. Phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch:

+ Trung tâm huyện lỵ Bắc Quang (thị trấn Việt Quang) là một thị trấn vùng cao với diện tích tự nhiên là: 4.677 ha, có vị trí địa lý hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp xã Tân Lập.

- Phía Đông giáp xã Việt Vinh và Quang Minh.

- Phía Nam giáp các xã Hùng An và Việt Hồng.

- Phía Tây giáp xã Tân Trịnh huyện Quang Bình.

+ Diện tích quy hoạch của trung tâm thị trấn Việt Quang giai đoạn 1998-2010 tại Quyết định phê duyệt số 1814/UB-QĐ ngày 11/11/1998 của UBND tỉnh là: 408 ha, diện tích quy hoạch điều chỉnh mở rộng thêm là: 1.092 ha. Tổng phạm vi nghiên cứu điều chỉnh là 1.500 ha.

8. Lý do, sự cần thiết lập, điều chỉnh quy hoạch:

- Trong những năm qua, cùng với sự phát triển kinh tế của tỉnh, kinh tế xã hội huyện Bắc Quang đã có những chuyển biến tích cực, đúng hướng. Tuy nhiên, sự phát triển đó vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Mặt khác, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, thị trấn Việt Quang huyện Bắc Quang sẽ phát triển lên thành thị xã Việt Quang với tính chất đô thị là Trung tâm kinh tế vùng phía nam tỉnh Hà Giang.

Vì vậy để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội của huyện nhằm xây dựng thị trấn Việt Quang trở thành thị xã theo đúng tiến độ đặt ra thì việc điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang-giai đoạn 2010 - 2020 là hết sức cần thiết.

9. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch:

- Định hướng phát triển cho trung tâm huyện lỵ Bắc Quang là Trung tâm kinh tế, văn hoá, chính trị của huyện với định hướng sẽ phát triển thành thị xã trong tương lai, là tiền đề phát triển cho toàn khu vực phía Nam của tỉnh.

- Lập mặt bằng quy hoạch chung điều chỉnh trung tâm huyện lỵ Bắc Quang - giai đoạn 2010 - 2020.

- Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng và những giai đoạn đầu tư trước mắt và lâu dài.

10. Tính chất và chức năng đô thị:

- Huyện Bắc Quang là đầu mối giao thông của tỉnh với tỉnh Tuyên Quang và các tỉnh miền xuôi, là huyện đầu cửa ngõ phía Nam của tỉnh, có động lực phát triển kinh tế, văn hoá xã hội quan trọng.

- Trung tâm thị trấn Việt Quang được xác định là: Đô thị loại IV, miền núi, là trung tâm chính trị, văn hoá xã hội của huyện Bắc Quang. Là thị trấn có vị trí quan trọng, là đầu mối giao thông với huyện Quang Bình, với tỉnh Yên Bái; huyện Chiêm Hoá tỉnh Tuyên Quang qua quốc lộ 279; huyện Vị Xuyên, thị xã Hà Giang qua trục đường xương sống quốc lộ 2.

11. Quy mô:

a) Quy mô dân số

*** Dự báo về dân số**

- Hiện trạng dân số thị trấn Việt Quang năm 2009: 12.815 người.

- Dự kiến đến năm 2015 (tính cả lượng nhân khẩu của một phần thôn Tân An, Tân Bình của xã Việt Vinh, Thôn Khiêm, Pắc Há của Xã Quang Minh) là: 15.000 người. Dự kiến đến năm 2020 là: 30.000 người.

- Dự báo dân số trên cơ sở tăng cơ học do đô thị phát triển, dân cư đến định cư, hình thành các điểm dân cư tập trung do quá trình đô thị hoá nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đô thị với quy mô dân số 30.000 người vào năm 2020.

b) Quy mô đất đai

Quy mô đất xây dựng đô thị (tính cho khu vực xây dựng):

- Đến năm 2015 khoảng 300 ha (Chỉ tiêu 200 m²/người)

- Đến năm 2020 khoảng 600 ha (Chỉ tiêu 200 m²/người)

12. Định hướng phát triển không gian

a) Quan điểm điều chỉnh quy hoạch

Theo quy định tại Điều 20 của Nghị định 08/2005/NĐ-CP thì việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị chỉ điều chỉnh quy hoạch xây dựng đối với những nội dung cần điều chỉnh, những nội dung không điều chỉnh của đồ án đã được phê duyệt vẫn được giữ nguyên giá trị pháp lý, được thể hiện trong nội dung hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng và phải được tiếp tục thực hiện để đảm bảo quy hoạch xây dựng có tính liên tục và thường xuyên.

b) Quy hoạch phát triển không gian

Không gian kiến trúc cảnh quan của trung tâm huyện lỵ Bắc Quang giai đoạn phát triển 2010 đến 2020 bao gồm 3 khu vực chính sau:

*** Khu vực trung tâm cũ**

Phát triển trên cơ sở của khu trung tâm đã được hình thành từ trước với trục không gian chính là quốc lộ 2. Về cơ bản vẫn giữ nguyên các công trình kiến trúc và cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch, chỉ chuyển đổi mục đích sử dụng đất của một số vị trí (đã có quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ của UBND tỉnh).

Về kiến trúc cảnh quan: Điểm nhấn của khu vực này là cụm công trình trung tâm chính trị, quảng trường, cây xanh và các công trình công cộng khác.

*** Khu vực đô thị mở rộng lên hướng Đông**

Đô thị mới được hình thành sẽ tạo ra không gian cho khu đô thị mới bao gồm các khu chức năng sau:

Các công trình cơ quan, dịch vụ công cộng, đất cây xanh, sân vận động, trường học và đất ở. Điểm nhấn chính cho khu vực này là khu vực sinh thái hồ Quang Minh, sân vận động, Đài tưởng niệm - công trình văn hoá tại khu vực này. Hệ thống công trình công cộng, các trụ sở cơ quan được quy định hợp khối và nâng tầng, giảm mật độ xây dựng.

*** Khu vực đô thị mở rộng lên hướng Bắc**

Khu vực này được hình thành trên cơ sở của hệ thống giao thông là các trục đường, bao gồm: Khu công viên cây xanh, một số công trình công cộng, trường học, khu nhà ở và nhà máy hiện có.

c) Quy hoạch các khu chức năng chính

+ Công nghiệp, kho tàng:

Quy hoạch trên cơ sở vị trí các nhà máy hiện có, liên hệ giao thông thuận tiện theo hướng Bắc của trung tâm.

+ Các cơ quan, công trình công cộng trong phạm vi đô thị:

Ngoài những vị trí đã có tại khu vực trung tâm cũ, hướng phát triển mới của khối cơ quan hành chính là khu vực trung tâm mới về phía Đông. Các công trình xây mới phát triển theo hướng hợp khối, nâng tầng, chú trọng phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật: Sân, vườn, cây xanh, điện, nước.

+ Các trường đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề:

Hướng phát triển mới của khối công trình này là khu vực trung tâm mới về phía Đông, là tiền đề để tăng dân số cơ học và phát triển các loại hình dịch vụ.

+ Các đơn vị ở:

Khối nhà dân và các đơn vị ở: Quản lý xây dựng các công trình có kiến trúc nhất quán, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

+ Dịch vụ đô thị:

Hệ thống dịch vụ đô thị bám sát khu vực trung tâm với chức năng đảm bảo khả năng cung cấp dịch vụ một cách tốt nhất. Đối với nghĩa trang, bãi rác và các công trình gây ô nhiễm cần có sự cách ly và chuyển xa khu vực trung tâm.

+ Công viên, cây xanh:

Phát triển trồng các loại cây bản địa, cây xanh tạo cảnh, bóng mát cho khu vực trung tâm và xung quanh đô thị tạo môi trường sinh thái trong lành.

+ Điều chỉnh ranh giới nội, ngoại thị:

Mở rộng ranh giới nội thị khu vực của trung tâm thị trấn Việt Quang và phát triển thêm một phần của thôn Tân An, Tân Bình của xã Việt Vinh, Thôn Khiêm, Pắc Há của Xã Quang Minh để phù hợp với quy mô phát triển.

+ Cơ cấu sử dụng đất:

ST	Loại hình	Đất hiện có (m ²)	Đất phát triển (m ²)	Tổng (m ²)
1	Đất cơ quan	82.665	130.326	212.991
2	Đất dịch vụ công cộng	50.525	189.100	239.625
3	Đất giáo dục	77.035	43.257	120.292
4	Đất bệnh viện	17.655		17.655
5	Đất nghĩa địa		20.000	20.000
6	Đất dân cư	1.014.419	442.898	1.457.317
7	Đất quân sự	12.810		12.810
8	Đất công nghiệp	36.310	107.138	143.448
9	Đất bãi rác		15.000	15.000
10	Đất công viên cây xanh		379.600	379.600
11	Đất KDL hồ Quang Minh		1.018.137	1.018.137
12	Đất thể dục + thể thao	4.260	30.443	34.703
13	Đất giao thông	429.075	615.664	1.044.739
Tổng cộng:		1.724.754	2.991.563	4.716.317
Đất khác:				10.283.683
Tổng quỹ đất:				15.000.000

13. Định hướng phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật

* Giải pháp san nền

Chọn cốt nền không chế cho toàn khu vực nghiên cứu phù hợp với giải pháp thiết kế đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật với phương án tận dụng đất tại các khu vực đào để đổ xuống các khu vực trũng, đắp tạo mặt bằng phát triển dân cư và các khu chức năng khác theo quy hoạch.

* Giải pháp thoát nước mưa

+ Chọn hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn

+ Hướng thoát nước tự chảy chủ yếu về các phía thuận lợi cho việc thoát nước các hướng bao gồm:

- Thoát nước về phần suối khu vực đầu cầu Mám.

- Thoát nước về khu vực Phía Nam dọc theo quốc lộ 2 thoát ra suối.
- Thoát nước ra khu vực suối phía Tây dọc theo QL 279 đi Quang Bình và hướng thoát ra phía Hồ Quang Minh.

b) Giao thông

*** Giao thông đối ngoại**

- Hệ thống Quốc Lộ 2 đã hoàn chỉnh, không đầu tư thêm.

*** Giao thông nội thị**

Loại đường	Hiện trạng (m)	Mở mới (m)	Tổng số (m)
Đường 10,5m Cả vỉa hè 21m	9.798	1.500	11.298
Đường 7,5m Cả vỉa hè 13,5m	12.761	17.458	30.219
Đường 5,5m Cả vỉa hè 11,5m		17.586	17.568
Đường đôi Cả vỉa hè 27m		2.830	2.830

c) Cấp nước

- Nước sinh hoạt được cấp cho 100% hộ dân trong khu vực đảm bảo sinh hoạt 24/24. Hiện tại Nhà máy cấp nước cho trung tâm thị trấn Việt Quang đã được đầu tư xây dựng tại vị trí cạnh đường nội bộ tới thủy điện Thác Thủy. Công suất hiện tại là 2000 m³/ng.đ, tương lai 4000 m³/ng.đ.

- Phương án đầu tư được xác định: xây dựng thêm hệ thống ống cấp nước nối với hệ thống ống cấp đã được đầu tư xây dựng cấp cho các khu vực phát triển mở rộng bám theo hệ thống đường giao thông tới các điểm tiêu thụ.

d) Quy hoạch cải tạo và phát triển lưới điện Trung tâm thị trấn Việt Quang giai đoạn 2010–2020

- Hiện nay tại trung tâm thị trấn Việt Quang phụ tải tính toán cho các công trình còn thiếu và sử dụng chưa đáp ứng đủ công suất. Theo Quy hoạch các công trình công cộng, một số trụ sở cơ quan huyện, các bệnh viện, trường học, khách sạn... sẽ được xây dựng để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị hoá. Do đó nhu cầu về điện năng sẽ tăng nhanh.

- Phụ tải công cộng được tính toán trên cơ sở các công trình hiện có và các công trình dự kiến sẽ xây dựng từ năm 2010 đến 2020.

- Cải tạo và xây dựng mới hệ thống cấp điện cho phù hợp với nhu cầu sử dụng bao gồm:

Xây dựng mới hệ thống các trạm biếp áp:

- + 5 trạm biếp áp 250 KVA
- + 4 trạm biếp áp 180 KVA
- + 2 Trạm biếp áp 150 KVA

Xây dựng mới đường dây 22KV và 0,4 KV:

+ Đường dây 22KV: 5.250 m

+ Đường dây 0,4KV: 42.245 m

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Xây dựng 4 trạm xử lý nước thải với công suất thiết kế đáp ứng cho nhu cầu thoát nước bản theo từng khu vực. Nước sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng hệ thống bể tự hoại của gia đình và cơ quan sau đó dẫn ra rãnh thoát nước chung của khu vực. Nước bản công nghiệp được xử lý cục bộ trong các nhà máy, xí nghiệp. Nước thải bệnh viện được xử lý bằng hệ thống bể chứa, lắng lọc, xử lý bằng nước cho đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

- Vệ sinh đô thị:

Khối lượng rác thải ra hàng ngày 0,9kg/người/ngày đêm.

$30.000 \times 0,9\text{kg}/\text{người}/\text{ngày đêm} = 27.000 \text{ kg.}$

- Thu gom rác:

+ Khu dân cư xa trung tâm rác được thu gom đổ vào các hố rác, đốt rác làm phân bón.

+ Khu Trung tâm: Rác được thu gom và các thùng chứa rác được đặt tại các vị trí thiết yếu và khu dân cư và được thu gom vào xe chở ra bãi xử lý rác của huyện.

f) Đánh giá tác động của môi trường

* Phát triển dân số

Sự ảnh hưởng của sự gia tăng phát triển dân số sẽ tác động đến môi trường nước do chất thải sinh hoạt của cư dân đô thị. Dân số tăng lên kéo theo sự tăng mạnh về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu (điện, than, xăng, dầu...) làm gia tăng lượng chất thải ô nhiễm vào khí quyển và ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí đô thị. Vì vậy trong quá trình quy hoạch và xây dựng, cần phải tính toán và có biện pháp xử lý thích hợp.

* Các chất thải

- Nước bản sinh hoạt của các cư dân trong đô thị là một trong những tiềm ẩn nguy hại về môi trường. Tuy nhiên nếu có biện pháp quản lý và xử lý tốt thì sẽ giảm thiểu được nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Khi đô thị phát triển thì chất thải rắn là một trong những vấn đề cần được quan tâm nhất. Việc thu gom và xử lý chất thải rắn không đúng quy cách sẽ tác động rất lớn tới môi trường nước trong khu vực.

g) Các biện pháp và chương trình thực hiện để bảo vệ môi trường

- Thực hiện tốt các quy định pháp quy về bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống quản lý, thu gom và xử lý nước bản, chất thải rắn tại các khu du lịch, khu dân cư. Kiểm tra và có biện pháp xử lý, ngăn ngừa các nguồn gây ô nhiễm trong khu vực đô thị.

- Tăng cường tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của nhân dân về vấn đề vệ sinh môi trường và ý thức bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường đồng bộ để hỗ trợ các quyết định về quy hoạch và quản lý.

- Trong quá trình thi công các công trình đảm bảo không ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh, đơn vị thi công công trình cần có những biện pháp bảo vệ môi trường thích hợp.

14. Các chỉ tiêu thiết kế:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất:

Quy hoạch điều chỉnh mở rộng trung tâm huyện lỵ Bắc Quang với đô thị loại IV miền núi, quy mô đô thị tính đến năm 2020 là 30.000 dân.

STT	Loại đất	Chỉ tiêu các loại đất chính trong đô thị (m^2 /người)
1	Đất dịch vụ công cộng	7,8
2	Đất cơ quan	7,0
3	Đất Y tế	0,6
4	Đất cây xanh TDTT	12,6
5	Đất trường học	2,9
6	Đất dân cư	44,2
7	Đất Giao thông	33,7

* Quy định tối thiểu đối với các công trình dịch vụ đô thị cơ bản

Loại công trình	Cấp quản lý	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất đai tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1. Giáo dục					
a. Trường mẫu giáo	Đơn vị ở	chỗ/1000người	50	m^2 /1 chỗ	15
b. Trường tiểu học	Đơn vị ở	chỗ/1000người	65	m^2 /1 chỗ	15
c. Trường trung học cơ sở	Đơn vị ở	chỗ/1000người	55	m^2 /1 chỗ	15
d. Trường phổ thông trung học, dạy nghề	Đô thị	chỗ/1000người	40	m^2 /1 chỗ	15
2. Y tế					
a. Trạm y tế	Đơn vị ở	trạm/1000người	1	m^2 /trạm	500
b. Phòng khám đa khoa	Đô thị	Công trình/đô thị	1	m^2 /trạm	3.000
c. Bệnh viện đa khoa	Đô thị	giường/1000ngườ i	4	m^2 /giường bệnh	100
d. Nhà hộ sinh	Đô thị	giường/1000ngườ i	0,5	m^2 /giường	30
3. Thể dục thể thao					

a. Sân luyện tập	Đơn vị ở			m ² /người ha/công trình	0,5 0,3
b. Sân thể thao cơ bản	Đô thị			m ² /người ha/công trình	0,6 1,0
c. Sân vận động	Đô thị			m ² /người ha/công trình	0,8 2,5
4. Văn hoá					
e. Cung văn hoá	Đô thị	số chỗ/ 1000người	8	ha/công trình	0,5
h. Cung thiếu nhi	Đô thị	số chỗ/ 1000người	2	ha/công trình	1,0
5. Chợ	Đơn vị ở Đô thị	công trình/đơn vị ở	1	ha/công trình	0,2 0,8

b) Cấp nước

- Nguồn nước: Nhà máy cấp nước cho trung tâm thị trấn Việt Quang đã được đầu tư xây dựng tại vị trí cạnh đường nội bộ tới thủy điện Thác Thủy.

Loại đô thị	Nhu cầu dùng nước			
	Giai đoạn 2010 – 2015		Giai đoạn 2015 - 2020	
	Tỷ lệ cấp nước (% dân số)	Tiêu chuẩn (lít/người-ng.đ)	Tỷ lệ cấp nước (% dân số)	Tiêu chuẩn (lít/người- ng.đ)
IV	85	100	95	120

c) Cấp điện

Nguồn điện: Điện lưới quốc gia

Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt (theo người):

TT	Chỉ tiêu	Giai đoạn đầu (5 năm)	Giai đoạn dài hạn (sau 5 năm)
1	Điện năng (KWh/người.năm)	400	1000
2	Số giờ sử dụng công suất lớn nhất (h/năm)	2000	3000
3	Phụ tải (W/người)	200	330

* Chỉ tiêu cấp điện công trình công cộng:

Loại đô thị	Đô thị loại IV-V
Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	30

* Chỉ tiêu cấp điện cho sản xuất công nghiệp, kho tàng

TT	Loại cụng nghiệp	Chỉ tiêu (KW/ha)
1	Công nghiệp nặng (luyện gang, luyện thép, sản xuất ô tô, sản xuất máy cái, công nghiệp hóa dầu, hóa chất, phân bón), sản xuất xi măng	350
2	Công nghiệp vật liệu xây dựng khác, cơ khí	250
3	Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, điện tử, vi tính, dệt	200
4	Công nghiệp giấy da, may mặc	160
5	Cụm công nghiệp nhỏ, tiểu công nghiệp	140
6	Các cơ sở sản xuất thủ công nghiệp	120
7	Kho tàng	50

* Chỉ tiêu điện sinh hoạt (theo hộ)

Đặc điểm khu dân cư	Chỉ tiêu (kW/hộ)
Khu nhà ở thấp tầng (1 đến 2 tầng) cải tạo hoặc xây mới	2
Khu nhà liền kề hoặc khu chung cư cao 4÷5 tầng	3
Khu nhà chung cư cao tầng (≥ 9 tầng)	4
Khu nhà ở biệt thự	5

d) Thoát nước bản vệ sinh môi trường

- Chỉ tiêu nước thải lấy bằng chỉ tiêu cấp nước.
- Rác thải 2015: 0,8 kg/ng.ng. Năm 2025: 1 kg/ng.ng

15. Quy hoạch xây dựng đợt đầu giai đoạn 2010- 2015:

- Giải quyết những nhu cầu về xây dựng nhà ở, công trình công cộng, cây xanh, thể dục thể thao và hạ tầng kỹ thuật cho thị trấn. Đồng thời để có cơ sở cho bước lập các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo chỉnh trang đô thị các công trình phù hợp với định hướng phát triển đến năm 2020 và các năm tiếp theo. Quy hoạch sử dụng đất đai, phân vùng chức năng và xác định địa điểm xây dựng các công trình chủ yếu trong giai đoạn 2010 – 2015.

- Đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch điều chỉnh mới cho phù hợp với yêu cầu quy hoạch đợt đầu, phát triển các khu dân cư đô thị cùng các trung tâm dịch vụ du lịch, hành chính, cây xanh, công viên...

- Đẩy nhanh các chương trình và dự án ưu tiên.

Điều 2. Các Sở quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong quá trình triển khai và quản lý thực hiện quy hoạch này.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công nghiệp, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên & Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các cơ quan liên quan và Chủ tịch UBND huyện Bắc Quang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- T.Tr Tỉnh uỷ;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV NVKT *cah*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Nguyễn Trường Tô